HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 107/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 04/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2021, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2021 là 1.463.710 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 396.110 triệu đồng

b) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 920.000 triệu đồng

c) Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 40.000 triệu đồng

d) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 107.600 triệu đồng

(Có Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII kèm theo)

2. Các giải pháp thực hiện

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

b) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành nhằm tạo chuyển biến tích cực hơn trong quá trình triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư công. Việc tạm ứng ngân sách để giải quyết nhu cầu cấp bách phải chỉ rõ lộ trình và nguồn vốn thu hồi.

c) Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án, kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn. Duy trì thường xuyên giao ban xây dựng cơ bản để đánh giá quá trình thực hiện và đẩy nhanh tiến độ khối lượng, giải ngân các nguồn vốn bố trí theo kế hoạch đề ra cũng như xử lý các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

d) Quyết liệt thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với các dự án đến hết ngày 30/6/2021 chưa giải ngân; các dự án đến hết ngày 30/9/2021 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 15/11/2021 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch. Chủ động điều chuyển vốn các công trình, dự án chậm được triển khai, vướng thủ tục để bổ sung cho công trình, dự án có khối lượng nhưng thiếu vốn hoặc cần đẩy nhanh tiến độ; tránh việc phải điều chỉnh kế hoạch vốn dồn vào cuối năm, ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân chung của toàn tỉnh.

e) Nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có chế tài xử lý đối với các đơn vị, địa phương và cá nhân trong việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng quy định và khi chưa xác định được nguồn vốn cũng như khả năng cân đối vốn; Quyết định đầu tư khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; Không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2021 được giao.

g) Nghiêm cấm việc để xảy ra tình trạng phát sinh nợ đọng XDCB; chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã phân bổ; không yêu cầu nhà thầu tự bỏ vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư, thi công dự án khi chưa được bố trí vốn; chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu đã được bố trí vốn; thực hiện lập và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo tiến độ chung của dự án và kế hoạch vốn được giao.

h) Tập trung thực hiện nghiệm thu khối lượng theo tiến độ hợp đồng và khẩn trương hoàn thiện hồ sơ; thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước ngay khi có khối lượng được nghiệm thu, không dồn vốn vào cuối năm mới thanh toán. Đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương hoàn thành thủ tục quyết toán dự án. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, tạo điều kiện để triển khai thực hiện và giải ngân vốn cho các công trình, dự án.

i) Tiếp tục tăng cường mối quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn, các tổ chức trong và ngoài nước, các đại sứ quán, các tham tán thương mại ở các nước để trao đổi và thu thập thông tin về đầu tư và viện trợ nhằm đẩy mạnh công tác thu hút, vận động các nguồn vốn đầu tư phát triển.

k) Các đơn vị, chủ đầu tư triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư ngay từ khi được giao kế hoạch. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị thực hiện dự án, công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật, sớm khởi công công trình. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và giám sát chặt chẽ hoạt động đấu thầu, xây lắp, thi công công trình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục để triển khai dự án, tranh thủ những tháng thời tiết thuận lợi. Chủ động theo dõi, đề xuất điều chuyển vốn các công trình, dự án chậm được triển khai, vướng thủ tục để bổ sung cho công trình, dự án có khối lượng nhưng thiếu vốn. Phấn đấu thực hiện giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 đã được giao.

l) Nghiêm túc áp dụng công tác đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ quy định nhằm tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

m) Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo đúng quy định tại Điều 16, Thông tư 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

n) Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện công khai các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư. Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị, tp;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục I

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	**1.463.710**	
A	**ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ**	**396.110**	
1	**Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)**	**87.120**	Chi tiết tại phụ lục II
-	Giáo dục - đào tạo	79.200	
-	Khoa học công nghệ	7.920	
2	**Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)**	**194.700**	
-	Nhiệm vụ quy hoạch	35.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
-	Ưu đãi đầu tư	1.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
-	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương	158.700	Chi tiết tại phụ lục III
3	**Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)**	**114.290**	
-	Cấp tỉnh quản lý (60%)	68.574	Chi tiết tại phụ lục IV
-	Cấp huyện quản lý (40%)	45.716	Chi tiết tại phụ lục V
B	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**	**920.000**	Chi tiết tại phụ lục VI
1	Cấp tỉnh quản lý	480.000	
2	Cấp huyện quản lý	440.000	
C	**XỔ SỐ KIẾN THIẾT**	**40.000**	Chi tiết tại phụ lục VII
D	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**107.600**	Giao Sở Tài chính triển khai thực hiện

Phụ lục II

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH 2021

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	TỔNG CỘNG					**361.920**	**321.250**	**87.120**	
I	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**					**290.175**	**254.375**	**79.200**	
1	**Cấp tỉnh**					**155.575**	**155.575**	**47.500**	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Bố trí vốn quyết toán							1.000	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	Đông Hà	1.037,6m2	19-21	2509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.407	10.407	1.340	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	15 phòng	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	12.908	
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà	1.362,04m2	18-20	2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	9.000	1.000	
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà	913m2	19-21	2511/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	7.000	1.000	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong		18-20	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	6.500	835	
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị		18-20	2008/QĐ-UBND 08/11/2017 của thị xã QT	4.154	4.154	2.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Nhà học thực hành trường THPT Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	1.666m2	20-22	1438/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	9.828	9.828	6.617	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021								
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	6.472m2	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	14.800	
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh; Hạng mục: nhà học thực hành	Gio Linh	Nhà 3 tầng, dt 2.035m2	21-23	100/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	14.900	14.900	3.000	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Lĩnh	Nhà 3 tầng, dt 2.013m2	21-23	101/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	14.900	14.900	3.000	
2	**Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện**					**134.600**	**98.800**	**31.700**	
2.1	***Huyện Hướng Hóa***					***10.000***	***9.000***	***4.500***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***10.000***	***9.000***	***4.500***	
-	Trường mầm non xã A Túc	Hướng Hóa	1430 m2	21-23	3587/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện HH	10.000	9.000	4.500	
2.2	***Huyện Đakrông***					***13.700***	***12.500***	***3.900***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***13.700***	***12.500***	***3.900***	
-	Nhà nội trú Trường PTTH Đakrông	Đakrông	736 m2	21-23	117/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	5.500	5.000	1.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Trường THCS thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà Hiệu bộ	Đakrông	388,8 m2	21-23	121/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	2.700	2.500	900	
-	Trường tiểu học thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà 2 tầng 08 phòng học	Đakrông	1.070m2	21-23	122/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	5.500	5.000	1.500	
2.3	***Huyện Cam Lộ***					***16.000***	***9.500***	***3.000***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***16.000***	***9.500***	***3.000***	
-	Trường mầm non Tuổi Hoa, xã Thanh An	Cam Lộ	8 phòng học, Dt 750m2	21-23	28/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện CL	10.000	5.500	1.500	
-	Trường mầm non Bình Minh, xã Cam Chính	Cam Lộ	6 phòng học, Dt 580m2	21-23	29/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện CL	6.000	4.000	1.500	
2.4	***Huyện Hải Lăng***					***12.600***	***11.200***	***3.400***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***12.600***	***11.200***	***3.400***	
-	Trường TH và THCS Hải Chánh, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Hải Lăng	750m2	21-23	40/NQ-HĐND 2/12/2020 của huyện HL	4.500	4.000	1.200	
-	Trường TH&THCS Thiện Thành, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Hải Lăng	750m2	21-23	39/NQ-HĐND 2/12/2020 của huyện HL	4.500	4.000	1.200	
-	Trường TH&THCS Hải Ba, hạng mục: phòng học	Hải Lăng	600m2	21-23	38/NQ-HĐND 2/12/2020 của huyện HL	3.600	3.200	1.000	
2.5	***Huyện Triệu Phong***					***12.000***	***10.500***	***3.500***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***			3		***12.000***	***10.500***	***3.500***	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Trương Mầm non Triệu Sơn, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	63/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.300	
-	Trương THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	62/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.100	
-	Trương Mầm non Triệu Giang, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	61/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.100	
2.6	***Huyện Vĩnh Linh***					***19.000***	***17.200***	***3.600***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***19.000***	***17.200***	***3.600***	
-	Trường TH&THCS xã Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng học	21-23	4194/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	1.300	
-	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng	Vĩnh Linh	770 m2	21-23	4195/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	1.300	
-	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	10.000	1.000	
2.7	***Huyện Gio Linh***					***10.600***	***9.600***	***3.500***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***10.600***	***9.600***	***3.500***	
-	Truường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục 6 phòng học	Gio Linh	6 phòng học	21-23	21/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện GL	4.800	4.300	1.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Truường mầm non Gio Hải - cơ sở 2, hạng mục 6 phòng học	Gio Linh	6 phòng học	21-23	23/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện GL	4.800	4.300	1.500	
-	Trường THCS Trung Hải, hạng mục: 01 phòng học bộ môn và 01 phòng thư viện	Gio Linh	01 PHBM và 01 phòng TV	21-23	22/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện GL	1.000	1.000	500	
2.8	***TX Quảng Trị***					***10.700***	***8.300***	***2.700***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***10.700***	***8.300***	***2.700***	
-	Trường TH và THCS Hải Lệ, hạng mục: Bếp ăn, Nhà ăn, nhà bán trú điểm trường tiểu học thôn Tích Tường	TX Quảng Trị	Nhà ăn bán trú	21-22	88/NQ-HĐND 3/12/2020 của TX Quảng Trị	1.200	1.000	500	
-	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	TX Quảng Trị	18 phòng học	21-23	90/NQ-HĐND 3/12/2020 của TX Quảng Trị	9.500	7.300	2.200	
2.9	***TP Đông Hà***					***30.000***	***11.000***	***3.600***	
*	***Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025***					***30.000***	***11.000***	***3.600***	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học đa năng, sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác	Đông Hà	Nhà HB, nhà học ĐN, sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác	21-23	92/NQ-HĐND 3/12/2020 của TP Đông Hà	30.000	11.000	3.600	
II	**KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ**					**71.745**	**66.875**	**7.920**	
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa	150 ha	17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	1.100	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phục vụ kiểm	Hướng Hóa	Thiết bị	16-19	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	418	
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Đông Hà	Thiết bị	21-23	99/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	25.616	22.500	6.402	

Phụ lục III

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH 2021
NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số (tất cả các nguồn	Vốn đối ứng		
							Tổng số	Trong đó: NSĐP	
	TỔNG SỐ					**4.929.523**	**944.297**	**558.550**	**158.700**	
1	**Y tế, dân số và gia đình**									
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	xây dựng các trạm y tế	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	31.035	7.700	
2	**Các hoạt động kinh tế**									
2.1	***Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản***									
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
-	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	RPH 2.900 ha,bảo vệ 2.500 ha, khoanh nuôi tái sinh 1.700 ha	2012-2021	1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012; 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365	22.365	5.900	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL		2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	491.114	96.388	72.982	17.690	
2.2	***Công nghiệp***									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn	Vốn đối ứng			
							Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	HH, HL, GL	ĐD 23,747 km; 27 TBA; 109,902 km đd hạ thế	2018-2020	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017; 1740QĐ-TTg ngày 13/12/2018; 346/QĐ-UBND ngày 21/2/2019	76.993	11.993	11.993	3.500	Vốn đối ứng: GT quy đổi phần nhân dân đóng góp 4.993 triệu đồng, phần vốn còn lại NSĐP
2.3	***Giao thông***									
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, LB	Phát triển đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	436.411	216.645	54.860	Quỹ đất bố trí hoàn ứng là 39.553 triệu đồng
-	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	ĐH, TP	2.080,47 m đường	2013-2020	1636/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 1750/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	49.739	22.387	22.387	590	
-	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo dưỡng 2.459km; XD, nâp cấp, cải tạo 52 cầu	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	16.110	3.960	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	2 hợp phần	2018-2023	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	255.679	119.604	49.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn	Vốn đối ứng			
							Tổng số	Trong đó: NSĐP		
2.4	***Cấp nước, thoát nước***									
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.000 m3/ngày.đêm	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	10.861	4.361	1.000	
2.5	***Du lịch***									
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	'Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	Bãi tắm cộng đồng; hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh môi trường	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	14.000	

Phụ lục IV

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH 2021

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI PHÂN CẤP DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	TỔNG CỘNG					**940.362**	**281.366**	**68.574**	
I	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**							**2.400**	
-	Hội trường Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	Đông Hà						300	
-	Trụ sở Sở Văn hóa - Thể thao - du lịch	Đông Hà						500	60/TB-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh
-	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Nguyên	Đakrông						300	122/KL-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh
-	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ						300	4469/UBND-TH ngày 1/10/2020 của UBND tỉnh
-	Chưa phân bổ							1.000	
II	**QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH**							**15.000**	Giao Sở KH&ĐT thông báo chi tiết danh mục
III	**ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC**					**940.362**	**281.366**	**51.174**	
1	**Quốc phòng**								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Nâng cấp mặt đường từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Lin xã A Vao (giai đoạn 2)	Đakrông	11,472 km	17-20	2375/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	98.000	9.800	4.000	Đối ứng NSTW

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Công trình trận địa chiến đấu phòng không	MẬT	MẬT	20-21	MẬT	9.200	4.800	2.400	197/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Trường bắn huyện Gio Linh (giai đoạn 2)	Gio Linh	1200 m2	21-22	20/NQ-HĐND 25/11/2020 của huyện GL	1.000	1.000	1.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 1540/UBND-NC ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	170 m2	21-22	95/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	2.000	2.000	1.000	2716/UBND-NC ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh
-	Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	MẬT	21-23	MẬT	31.000	31.000	1.000	1480/QĐ-BTL ngày 15/9/2015 của Tư lệnh QK4 + Bố trí từ vốn đấu đất
2	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	8038 m2	19-21	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	2.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021								
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	9984 m2	19-21	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	1.300	
3	**Y tế, dân số và gia đình**								
	Các dự án khởi công mới năm 2021								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	1680 m2	21-23	4196/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	2.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
4	**Văn hóa, thông tin**								
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021								
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	450 chỗ	20-22	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	4.000	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	2.000	
5	**Các hoạt động kinh tế**								
5.1	***Công nghiệp***								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	HH, HL, GL	87 thôn	15-20	2393/QĐ-UBND 30/10/2014 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	2.000	
5.2	***Giao thông***								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phòng và phía Nam huyện Cam Lô	Triệu Phong	8.200m	2013-2015	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	28.755	2.533	
-	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4373 m	20-21	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	2.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	1530m	19-21	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	9.000	3.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021								
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông thị xã Quảng Trị	Thị xã Quảng Trị	26 tuyến đường	19-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HDND 10/11/2020	119.856	50.000	3.000	
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2059 m	21-23	30/NQ-HDDND 4/12/2020 của huyện CL	27.000	16.000	3.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
5.3	***Khu công nghiệp và khu kinh tế***								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Xây dựng CSHT CCN Hải Chánh; hạng mục tuyến đường RD5	Hải Lăng	698 m	20-21	1588/QĐ-UBND 23/6/2020	4.335	3.000	1.800	
5.4	***Cấp nước, thoát nước***								
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	Cồn Cỏ	200m^3/ ngày đêm	21-23	08/NQ-HĐND 25/11/2020 của huyện CC	17.171	15.500	2.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 506/UBND-NC ngày 17/2/2020 của UBND tỉnh
5.5	***Công nghệ thông tin***								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Thiết bị	18-21	2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.922	8.500	800	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
6	**Quản lý nhà nước**								
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
-	Trụ sở Sở Tài nguyên môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	2.000	2.000	+ Bố trí từ vốn đấu đất
	Các dự án khởi công mới năm 2021								
-	Trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	Đông Hà	1140 m2	21-23	66/NQ-HĐND 10/11/2020	13.978	13.978	2.000	
-	Hội trường Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đakrông	Đakrông	1236 m2	21-23	118/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	7.000	5.500	2.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện 122/KL-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	21-23	96/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	2.500	2.500	841	
7	**Ngành, lĩnh vực khác**								
-	Bố trí cho các dự án vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho chính quyền địa phương và trả nợ vay ngân hàng phát triển							3.500	Giao Sở Tài chính tham mưu phân bổ chi tiết

Phụ lục V

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2021
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2021	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	**485.716**	**45.716**	**440.000**	
1	Thành phố Đông Hà	175.746	3.746	172.000	
2	Thị xã Quảng Trị	23.202	3.202	20.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	85.154	5.154	80.000	
4	Huyện Hướng Hóa	21.555	6.555	15.000	
5	Huyện Gio Linh	30.060	5.060	25.000	
6	Huyện Đakrông	13.605	5.605	8.000	
7	Huyện Cam Lộ	44.338	4.338	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	25.035	5.035	20.000	
9	Huyện Hải Lăng	64.851	4.851	60.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	2.170	2.170		

Phụ lục VI

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH 2021

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	TỔNG CỘNG					**4.688.632**	**2.179.220**	**920.000**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**					**4.688.632**	**2.179.220**	**480.000**	
I	**THU TẠI ĐÔNG HÀ**					**4.587.483**	**2.164.071**	**350.000**	
1	**Đo vẽ địa chính và quỹ phát triển đất**							**70.000**	
2	**Các công trình phát triển quỹ đất**					**1.683.857**	**1.653.437**	**202.500**	
*	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021***								
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	23,9 ha	15-21	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	41.000	Trong đó: Trả nợ vốn vay 23 tỷ đồng
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	5,178 Km	2011-2021	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	189.127	158.707	5.000	
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2019	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Vỉa hè các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	2,1 ha	2020-2022	3405/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	7.900	7.900	3.000	
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	3,1 km	20-21	7173/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; 1966/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	8.495	8.495	3.000	
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021***								
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019; 2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	89.000	
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	Dài 578 m	20-22	2325/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	63.502	63.502	25.500	
*	***Các dự án khởi công mới năm 2021***								
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	62,58 ha	21-24	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	546.680	546.680	5.000	
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18,19 ha	21-24		65.000	65.000	1.000	124/TB-UBND ngày 27/8/2019 Chuẩn bị đầu tư
-	Giải phóng mặt bằng phục vụ đấu giá QSD đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ nam Đông Hà	Đông Hà	14,1 ha	21-22	70/NQ-HĐND 10/11/2020	18.948	18.948	18.000	4216/UBND-TN ngày 16/9/2019

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,2ha	20-21	29/NQ-HĐND 9/6/2020	7.300	7.300	5.000	4572/UBND-TN ngày 07/10/2019
*	***Phân bổ sau***							***5.000***	
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	9,7 ha	21-23		25.000	25.000		1557/UBND-TN ngày 12/4/2019
3	**Các công trình phát triển kinh tế xã hội khác của tỉnh**					**2.903.626**	**510.634**	**77.500**	
*	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021***								
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ Lê Lợi đến Hùng Vương)	Đông Hà	700m	2019-2021	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	3.100	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên-Môi trường	Đông Hà	4 tầng	20-21	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	5.000	1.000	+ Bố trí từ vốn ngân sách tỉnh quản lý
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh ủy	Đông Hà	4671 m2	2020-2021	2989/QĐ-UBND 31/10/2019 1756/QĐ-UBND 2/7/2020	13.789	10.789	10.000	Trong đó bao gồm hoàn trả vốn ứng trước
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà	2785 m2	2020-2022	1531/QĐ-UBND 18/6/2020	13.000	13.000	9.000	Trong đó bao gồm hoàn trả vốn ứng trước
-	Cầu Trung Yên	Triệu Phong	đường 750m cầu 86 m	2019-2021	2940/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.186	8.186	2.100	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Đông Hà, Hướng Hóa	02 đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	22.000	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hướng Hóa	san nền, đường	13-15	628/QĐ-UBND 31/3/2017	59.412	14.360	2.500	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm (thuộc dự án CSHT KCN Quán Ngang)	Gio Linh	1,7 km	14-15	3183/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	5.818	800	800	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	3000m3/ngày đêm	16-20	614/QĐ-UBND 29/36/2016	104.000	4.000	3.200	Thanh toán KLHT
-	Chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7364m2	19-22	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	10.000	2.000	1.000	
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư							1.000	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021***								
-	Cầu Bến Lội, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	cầu: 29,2m; đường 278,35m	2020-2021	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	5.000	
*	***Các dự án khởi công mới năm 2021***								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Đường giao thông và cầu qua sông Nhùng	Hải Lăng	cầu dài 30m	2021-2022	37/NQ-HĐND 2/12/2020 của huyện HL	5.000	5.000	2.400	1228/UBND-CN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
-	Vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,5 km	20-21	11/NQ-HĐND 21/4/2020	14.900	14.900	5.000	4608/UBND-TN ngày 8/10/2019
-	Vỉa hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	2863 m	2021-2022	93/NQ-HĐND 3/12/2020 của thành phố ĐH	20.000	20.000	3.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho TP
-	Cầu Kêng mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	Cầu dài 22,2m	2021-2022	65/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	4.500	4.000	3.000	
-	Đường nối từ đường Bà Triệu (giao đường đầu cầu sông Hiếu) đến đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	Đông Hà	Dài 885m	2021-2024		126.000	126.000	800	Chuẩn bị đầu tư
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng *(đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)*	Đông Hà	2,41Km	21-23	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh	9.861	9.861	100	20/TB-UBND ngày 09/3/2020 Chuẩn bị đầu tư
-	Công viên đường Hùng Vương	Đông Hà	5,1ha	21-23		20.000	20.000	300	20/TB-UBND ngày 09/3/2020 Chuẩn bị đầu tư
*	***Phân bổ sau***							***2.200***	
-	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a), tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc, trú tại Khu phố 2 phường Đông Lễ	Đông Hà		2021		2.200	2.200		6025/UBND-NC ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh. Hỗ trợ có mục tiêu cho TP

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
II	**THU TẠI KHU KINH TẾ TMĐB LAO BẢO**					**101.149**	**15.149**	**4.000**	
1	**Đo vẽ địa chính và quỹ phát triển đất**							**800**	
2	**Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác**					**101.149**	**15.149**	**3.200**	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021								
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hướng Hóa	20,95m	15-19	2383/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.200	Hoàn thiện một số công trình dỡ dang
III	**THU TẠI CÁC KHU ĐẤT GIAO CHO DOANH NGHIỆP**					**786.434**	**235.389**	**126.000**	
1	**Đo vẽ địa chính và quỹ phát triển đất**							**25.200**	
2	**Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác**					**786.434**	**235.389**	**100.800**	
*	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021***								
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	300 m	19-21	447/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; 814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.000	25.000	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	140,84ha	14-15	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.900	Trả nợ KLHT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hướng Hóa	20,95m	15-18	2383/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.947	Trả nợ KLHT
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	3.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
-	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh	Toàn tỉnh	18.500 ha	16-20	2385/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	104.742	44.742	8.000	Đối ứng NSTW
*	***Các dự án khởi công mới năm 2021***								
-	Nâng cấp đường DH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1780,67m	2020-2022	1989/QĐ-UBND 22/10/2020	14.825	14.000	7.000	1810/UBND-CN ngày 24/4/2020 Bao gồm hoàn trả vốn ứng trước Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	4383,36m	2021-2023	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	7.000	
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	12 trung tâm; 72 trạm camera	2021-2022	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	14.997	5.000	4.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	460 m	2021-2023	91/NQ-HĐND 3/12/2020 của thành phố ĐH	24.000	20.000	5.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	1.312m	2021-2022	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	5.000	5.000	3.000	
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	chợ đình, chợ gia vị và các hạng mục phụ trợ	21-22	120/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	5.000	3.000	2.000	122/TB-UBND ngày 10/9/2020 Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	05 tuyến	21-23	3588/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện HH	12.000	9.100	3.000	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
-	Đường hầm sở chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	MẬT	21-23	MẬT	MẬT	31.000	31.000	3.000	1480/QĐ-BTL ngày 15/9/2015 của Tư lệnh QK4 + Bố trí từ NS tỉnh quản lý
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn huyện nông thôn mới	Cam Lộ						2.400	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kề với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị		21-22	89/NQ-HĐND 03/12/2020 của thị xã QT	5.000	5.000	3.000	TB 51/TB-UBND ngày 08/5/2020 Hỗ trợ có mục tiêu cho thị xã

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Bố trí cho các dự án vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ cho chính quyền địa phương và trả nợ vay ngân hàng phát triển							12.000	Giao Sở Tài chính tham mưu phân bổ chi tiết
*	***Phân bổ sau***							***20.000***	
-	Giải phóng mặt bằng để nâng cấp, mở rộng đường từ quốc lộ 9 (đoạn từ quốc lộ 1A về Cửa Việt)	Gio Linh		21-22		70.000	20.000		Đối ứng của địa phương
B	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**							**440.000**	Phân cấp cấp huyện quản lý Chi tiết tại biểu số 5

Phụ lục VII

TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH 2021
NGUỒN VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
	TỔNG CỘNG					**85.095**	**79.395**	**40.000**	
I	**GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**					**43.845**	**38.645**	**14.390**	
*	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021***					***43.845***	***38.645***	***14.390***	
-	Trường THPT Chế Lan Viên; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20	774/QĐ-UBND, ngày 13/5/2019	5.500	5.500	1.500	Hỗ trợ huyện về đích NTM thanh toán KLHT
-	Trường THPT Lê Thế Hiếu; hạng mục Nhà đa năng	Cam Lộ	Cải tạo, nâng cấp	19-20	848/QĐ-UBND, ngày 16/5/2019	4.500	4.500	1.500	
-	Trường Tiểu học Càng, Hải Chánh	Hải Lăng		19-20	3522/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.500	3.500	990	HT
-	Trường Tiểu học Triệu Sơn	Triệu Phong	Nhà 2 tầng 600m2	18-20	1836/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND huyện TP	5.000	4.000	500	HT
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021***								
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	Đông Hà	Nhà 2 tầng 813,68 m2	19-21	2997/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	7.000	2.700	
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	Nhà đa năng + nhà hiệu bộ	20-22	08/NQ-HĐND 18/6/2020 của huyện TP	5.500	5.000	2.200	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh	6 phòng học	20-22	24/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện GL	6.000	5.000	2.700	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	Nhà hiệu bộ 465m2	20-22	96/NQ-HĐND 3/12/2020 của TP Đông Hà	4.345	4.145	2.000	
*	***Các dự án khởi công mới năm 2021***								
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: xây mới nhà hội trường và các hạng	Vĩnh Linh		21-23				300	Chuẩn bị đầu tư
II	**Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH**					**41.250**	**40.750**	**12.610**	
*	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021***					***41.250***	***40.750***	***12.610***	
-	Quyết toán các công trình hoàn							500	
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bản	Triệu Phong	2.230m2	17-19	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	25.600	25.600	5.600	HT
-	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị		19-21	2757/QĐ-UBND 11//2018	9.000	9.000	4.410	HT
-	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	H. Hương	Cải tạo	20-21	3710/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	650	650	500	HT
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021***								
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ; hạng mục: Nhà y tế dự phòng và các hạng mục phụ	Cam Lộ	Cải tạo	21-23	27/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	1.600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2021	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSĐP		
III	**CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI**					**0**	**0**	**7.000**	
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021***								
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Nhà 2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	2.000	
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1680m2	21-23	156/NQ-HĐND ngày 12/10/2020	71.000	10.000	2.000	27/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015
*	***Các dự án khởi công mới năm 2021***								
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam	Cam Lộ	2864 m	21-23	26/NQ-HĐND 3/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	2.000	27/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015
-	Sân vận động huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	4,37 ha	21-23	114/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện ĐK	6.000	5.000	1.000	KL của CT UBND tỉnh
IV	**Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới**							**6.000**	
-	Huyện Hải Lăng							1.500	Hỗ trợ các huyện đăng ký về đích theo NQ ĐB huyện (trong đó mục tiêu NQ ĐH Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII phấn đấu 3 huyện về đích)
-	Huyện Triệu Phong							1.500	
-	Huyện Vĩnh Linh							1.500	
-	Huyện Gio Linh							1.500	